

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 9 năm 2025

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Hiện nay, Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa phục vụ giảng dạy và nghiên cứu cho Khoa Hóa học năm học 2025-2026 (Lần 2), nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

- Yêu cầu đơn vị báo giá tuân thủ theo số thứ tự danh mục hàng hóa yêu cầu báo giá (Phụ lục 1), đối với mục hàng hóa không báo giá được giữ nguyên tên hàng hóa, để trống đơn giá.**
- Tiếp nhận báo giá theo hình thức:
 - Nhận trực tiếp: Phòng Quản trị Thiết bị - A04 - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, số 227 Nguyễn Văn Cừ, Phường Chợ Quán, TP. HCM. Số điện thoại: 028 38304094.
 - Nhận qua Email: ctkoanh@hcmus.edu.vn/Zalo: 0946855575 - Cao Thị Kiều Oanh.
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày thông báo **đến hết ngày 09 tháng 9 năm 2025.**
- Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Báo giá có hiệu lực: Tối thiểu 120 ngày, **kể từ ngày 09 tháng 9 năm 2025.**

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục các mặt hàng yêu cầu báo giá tại Phụ lục 1.
- Thời gian giao hàng dự kiến: Trong vòng **120 ngày** (bao gồm thứ bảy, chủ nhật và các ngày nghỉ Lễ, Tết theo quy định).
- Điều khoản thương mại:
 - Tạm ứng: không áp dụng.
 - Phương thức thanh toán: thanh toán chuyển khoản qua ngân hàng.
 - Thời hạn thanh toán: trong vòng 30 ngày kể từ ngày nghiệm thu, thanh lý hợp đồng.
- Điều khoản giao hàng/bảo hành/khắc phục sửa chữa:
 - Địa điểm giao hàng: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên- số 227 Nguyễn Văn Cừ, Phường Chợ Quán và Khu đô thị Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Phường Đông Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Phương thức giao hàng: Bàn giao hàng hóa, kiểm tra thông số, số lượng và hướng dẫn sử dụng (nếu có).
- Địa điểm bảo hành: Trường Đại học Khoa học tự nhiên, số 227 Nguyễn Văn Cừ, Phường Chợ Quán và Khu đô thị Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Phường Đông Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Thay thế nguyên vật liệu bị hỏng do điều kiện bảo quản của nhà cung cấp: nứt, bể, vỡ trong quá trình vận chuyển... nhanh nhất (trong vòng 24 giờ) trừ trường hợp bất khả kháng (công văn yêu cầu xác nhận thực tế).

5. Thành phần hồ sơ báo giá:

- Báo giá: Theo mẫu báo giá đính kèm tại Phụ lục 2.
- Giấy đăng ký kinh doanh phù hợp với nội dung báo giá.
- Văn bản minh chứng đơn vị báo giá có tên trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

6. Các thông tin khác:

- Tổng giá trị của hàng hóa trong báo giá đã bao gồm thuế, phí và các loại chi phí khác theo quy định hiện hành.
- Điều kiện đảm bảo khác: Đảm bảo cung cấp hàng hóa, cam kết thực hiện được dịch vụ đổi trả nếu hàng hóa xảy ra các vấn đề liên quan đến chất lượng trong quá trình sử dụng khi bên mua có yêu cầu...

Trân trọng thông báo.

TRƯỞNG PHÒNG PHÒNG QUẢN TRỊ THIẾT BỊ

(Đã ký)

Lê Thị Nga

PHỤ LỤC 1: DANH MỤC HÀNG HÓA YÊU CẦU BÁO GIÁ

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Monome styrene, ReagentPlus®, contains 4-tert-butylcatechol as stabilizer, ≥99%, CAS No.: 100-42-5		Aldrich sigma	Chai 500mL	1	2.HK1-CHT10008
2	MDI lỏng				1	2.HK1-CHT10008
3	PVA 1750				1	2.HK1-CHT10008
4	Khí H2 99.999 %		VN	Bình	1	3.HK1-CHT10013
5	Khí N2 99.995%		VN	Bình	1	3.HK1-CHT10013
6	Khí Acetylen	40L	VN	Bình	1	3.HK1-CHT10013
7	Argon	40L	VN	Bình	1	3.HK1-CHT10013
8	Đệm tháp hấp thu	Z137561-1LB	Sigma Aldrich, Mỹ	gói	1	4.HK1-CHT10015
9	Máy đo góc tiếp xúc Phoenix – I		S.E.O – Hàn Quốc	Cái	1	7.HK1-CHT10052
10	Methanol, Multisolventđ HPLC grade - CH3OH	A452-4 KR	Duskan, Hàn Quốc	Chai/4L	1	11.HK2-CHT10108
11	Argon	40L	VN	Bình	1	11.HK2-CHT10108
12	Khí acetylen		VN	Bình	1	11.HK2-CHT10108
13	Cr2O3 (PA)		TQ	chai 500 gam	5	14.HK2-CHT10301
14	KClO ₃		TQ	chai 500 gam	5	14.HK2-CHT10301
15	Tinh dầu trắc bá diệp			Lít	1	16.HK2-CHT10043
16	Tinh dầu hoa lài			Lít	1	16.HK2-CHT10043
17	Tinh dầu phong lữ			Lít	1	16.HK2-CHT10043
18	Tinh dầu gỗ hồng			Lít	1	16.HK2-CHT10043
19	Tinh dầu nhựa Peru			Lít	1	16.HK2-CHT10043
20	Tinh dầu gỗ pơ mu			Lít	1	16.HK2-CHT10043
21	Tinh dầu hoàng đàn			Lít	1	16.HK2-CHT10043
22	Menthol			kg	1	16.HK2-CHT10043

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
23	Ống bơm nhựa bằng tay màu đỏ		Hàn quốc	cái	1	19.HK3-CHT10017-2A (VC)
24	Ống thủy tinh chữ T ($\theta = 100$ mm) có khóa teflon		Dinlab Germany	Cái	1	23.HK3-CHT10101
25	Ống thủy tinh chữ T ($\theta = 10$ mm) có khóa teflon		Có hình ảnh đính kèm	Cái	1	23.HK3-CHT10101
26	Piperidine				1	24.HK3-CHT10304
27	Cr ₂ O ₃		TQ	500 g	1	29.HK3-CHE00081-A
28	Bơm khí bình chữa cháy CO ₂			Bình	1	30.HK3-CHE00081-B
29	Cr ₂ O ₃		Việt nam	kg	1	31.HK3-CHT10014
30	MeOH		TQ	Chai 500ml	1	32.HK3-CHT10011-A
31	MeOH		Chemsol	Phuy/163 kg	1	32.HK3-CHT10011-A
32	Methanol		chemsol-VN	Chai/500ml	1	33.HK3-CHT10011-B
33	Maleic anhydride		TQ	Chai/500 g	1	33.HK3-CHT10011-B
34	Chloral hydrate		TQ	Chai 250g	1	33.HK3-CHT10011-B
35	p-Toluidine		TQ	Chai/250g	1	33.HK3-CHT10011-B
36	Anhydride acetic	A/0480/PB17	Fisher	Chai/ 2,5L	1	(1)CHE00081_A_CQ
37	Nạp bình chữa cháy			Bình	1	TH HĐC1_B_MĐT
38	Vật tươi thực hành				1	TH HĐC1_B_MĐT
39	Anhydride acetic	A/0480/PB17	Fisher	Chai/ 2.5L	1	(2)CHE00082_CQ
40	Quặng Bauxite				1	(3)CHE10017_CQ
41	SnCl ₄	SnCl ₄ .5H ₂ O	TQ	Chai 500g	1	(3)CHE10017_CQ
42	Pb(CH ₃ COO) ₂		TQ	Chai 500g	1	(3)CHE10017_CQ
43	Pb(NO ₃) ₂		TQ	Chai 500g	1	(3)CHE10017_CQ
44	Cr(NO ₃) ₃		TQ	Chai 500g	1	(3)CHE10017_CQ

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
45	NaNO ₃		TQ	Chai 500g	1	(3)CHE10017_CQ
46	NaHS rắn		TQ	Chai 500g	1	(3)CHE10017_CQ
47	Gỗ tấm dài 2m, rộng 30 cm, dày 1.5 cm, phủ keo bóng 2 mặt		VN		1	(3)CHE10017_CQ
48	Biphenyl		Acros	5kg	1	(4)CHE10013_CQ
49	NH ₄ NO ₃		TQ	500g/chai	2	(4)CHE10013_CQ
50	Mg(NO ₃) ₂		TQ	chai 500g	1	(6)CHE10016_CQ
51	Argon	40L	VN	Bình	1	(6)CHE10016_CQ
52	Khí H ₂ 99.999 %		VN	Bình	3	(6)CHE10016_CQ
53	Khí N ₂ 99.995%		VN	Bình	4	(6)CHE10016_CQ
54	Khí Acetylen		VN	Bình	2	(6)CHE10016_CQ
55	Ferrule, 0.3mm Graphite 0.25 col 10/PK (Ferrule cho GC-FID, cột đking 0.25mm)		Agilent	Gói	1	(6)CHE10016_CQ
56	Ferrule, 0.5mm Graphite 0.32 col 10/PK (Ferrule cho GC-FID, cột đking 0.32mm)		Agilent	Gói	1	(6)CHE10016_CQ
57	Split/splitless Liner, GC 5890 Agilent		Agilent	gói	1	(6)CHE10016_CQ
58	Solvent inlet filter, stainless steel	Agilent	Mỹ	cái/hộp	2	(6)CHE10016_CQ
59	Split/splitless Liner, GC 6890 Agilent		Agilent	gói	1	(6)CHE10016_CQ
60	Anthranilic acid		TQ	Chai 100g	1	(7)CHE10012_CQ
61	Maleic anhydride		TQ	Chai/500 g	1	(7)CHE10012_CQ
62	Chloral hydrate		TQ	Chai 250g	1	(7)CHE10012_CQ
63	p-Toluidine		TQ	Chai/250g	1	(7)CHE10012_CQ
64	Brom lỏng nguyên chất (nắp nhựa)		TQ	C/500ml	1	(7)CHE10012_CQ

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
65	Khí C ₂ H ₂		VN	bình	1	(8)CHE10305_CQ
66	Khí H ₂ 99.999 %		VN	Bình	1	(9)CHE10306_CQ_MĐT
67	Khí N ₂ 99.995%		VN	Bình	1	(9)CHE10306_CQ_MĐT
68	Metahnol HPLC		Fisher	Chai 4 L	1	(9)CHE10306_CQ_MĐT
69	Dược liệu cây thuốc tươi		VN		1	(11)CHE10606-CQ
70	Methanol		TQ	500 mL	1	(11)CHE10606-CQ
71	Anhydride acetic	A/0480/PB17	Anhydride acetic	chai 2.5L	1	(1)CHE00081_A_CQ_HK2
72	Cr ₂ O ₃			500 g	1	(1)CHE00081_A_CQ_HK2
73	MeOH			500 mL	1	(1)CHE00081_A_CQ_HK2
74	Vật liệu tươi				1	(1)CHE00081_A_CQ_HK2
75	Nạp bình chữa cháy			Bình	1	TH HĐC1_B_MĐT
76	Vật tươi thực hành				1	TH HĐC1_B_MĐT
77	Anhydride acetic	A/0480/PB17	Fisher	chai 2.5L	1	(2)CHE00082_CQ_HK2
78	Cr ₂ O ₃		TQ	500 g	1	(2)CHE00082_CQ_HK2
79	MeOH		TQ	500 mL	1	(2)CHE00082_CQ_HK2
80	Sodium tetraphenylborate		TQ	Chai/250g	1	(3)CHE10015_CQ_HK2
81	Nitrobenzen		TQ	Chai/500ml	1	(3)CHE10015_CQ_HK2
82	Zn(NO ₃) ₂ .6H ₂ O		TQ	Chai/500g	1	(3)CHE10015_CQ_HK2
83	Formaldehyde		TQ	Chai/500 mL	1	(3)CHE10015_CQ_HK2
84	MeOH		TQ	Chai 500ml	1	(4)CHE10011_CQ_HK2
85	MeOH		Chemsol	Phuy/163 kg	1	(4)CHE10011_CQ_HK2
86	Xi kẽm (hàm lượng kẽm >50%)				1	(5)CHE10018_CQ_HK2
87	Cr ₂ O ₃		Việt nam	kg	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
88	K ₂ Cr ₂ O ₇ (PA)		Merck	chai 500g	1	(5)CHE10018_CQ_HK2

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
89	K ₂ Cr ₂ O ₇ (PA)		TQ	chai 500g	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
90	KSCN (PA)		TQ	chai 500g	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
91	K ₃ [Fe(CN) ₆] (PA)		TQ	chai 500g	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
92	KClO ₃ (PA)		TQ	chai 500g	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
93	Gỗ tấm dài 2m, rộng 30 cm, dày 1.5 cm, phủ keo bóng 2 mặt				1	(5)CHE10018_CQ_HK2
94	Lăng kính thủy tinh hình tam giác BK7 (30 x 30 x 60 mm)			Cái	1	(1)PHY00081_CLC
95	Methanol		chemsol-VN	Chai/500ml	1	(2)CHE10012_CLC-VP
96	Maleic anhydride		TQ	Chai/500 g	1	(2)CHE10012_CLC-VP
97	Chloral hydrate		TQ	Chai 250g	1	(2)CHE10012_CLC-VP
98	p-Toluidine		TQ	Chai/250g	1	(2)CHE10012_CLC-VP
99	Ống thủy tinh chữ T (θ = 10 mm) có khóa teflon		Có hình ảnh đính kèm	Cái	1	(2)CHE10012_CLC-VP
100	Dược liệu cây thuốc tươi		VN		1	(4)CHE10606-CLC
101	Xỉ kẽm dạng bột, có kích thước hạt 2 đến 5 micromet từ nhà máy tôn tráng kẽm, Hàm lượng kẽm ≥ 50% về khối lượng		Việt nam	kg	1	CHE10018-CLC-TT HVC2
102	Cr ₂ O ₃		Trung Quốc	Chai/ 500g	1	CHE10018-CLC-TT HVC2
103	K ₂ Cr ₂ O ₇ (PA)	1048640500	Merck	chai 500g	1	CHE10018-CLC-TT HVC2
104	K ₂ Cr ₂ O ₇ (PA)		TQ	Chai/ 500g	1	CHE10018-CLC-TT HVC2
105	KSCN (PA)		TQ	Chai/ 500g	1	CHE10018-CLC-TT HVC2
106	K ₃ [Fe(CN) ₆] (PA)		TQ	Chai/ 500g	1	CHE10018-CLC-TT HVC2

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
107	KClO ₃ (PA)		TQ	Chai/ 500g	1	CHE10018-CLC-TT HVC2
108	Chuẩn Au 1000 mg/L	1702160500	Merck	Chai/500mL	1	CHE10015-CLC-TT HPT1
109	Sodium tetraphenylborate	1066690100	Merck	Chai/ 100g	1	CHE10015-CLC-TT HPT1
110	Sodium tetraphenylborate		TQ	Chai/ 250g	1	CHE10015-CLC-TT HPT1
111	Co(NO ₃) ₂		TQ	Chai/ 100g	1	CHE10015-CLC-TT HPT1
112	CdCl ₂		TQ	Chai/ 100g	1	CHE10015-CLC-TT HPT1
113	Cd(NO ₃) ₂		TQ	Chai/ 100g	1	CHE10015-CLC-TT HPT1
114	Nitrobenzen		TQ	Chai/ 500ml	1	CHE10015-CLC-TT HPT1
115	Zn(NO ₃) ₂ .6H ₂ O		TQ	Chai/ 500g	1	CHE10015-CLC-TT HPT1
116	Formaldehyde		TQ	Chai/ 500ml	1	CHE10015-CLC-TT HPT1
117	Quặng Bauxite				1	CHE10017-CLC-TT HVC1
118	SnCl ₄	SnCl ₄ .5H ₂ O	TQ	Chai 500g	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
119	Pb(CH ₃ COO) ₂		Trung Quốc	Chai/ 500g	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
120	Pb(NO ₃) ₂		Trung Quốc	Chai/ 500g	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
121	K ₂ Cr ₂ O ₇		Xilong	Chai/ 500g	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
122	Cr(NO ₃) ₃		TQ	Chai/ 500g	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
123	NaNO ₃		TQ	Chai 500g	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
124	Anhydride acetic	A/0480/PB1	Fisher	Chai/ 2.5L	1	CHE00081-CLC-TH HĐC1
125	Cr ₂ O ₃		Trung Quốc	Chai/ 500g	1	CHE00081-CLC-TH HĐC1
126	Vật tươi thực hành				1	CHE00081-CLC-TH HĐC1 PHẦN B
127	Biphenyl		arcos	1kg/chai	1	CHEM10013-CLC_TTHL1
128	MeOH		TQ	Chai 500ml	1	CHE10011-CLC-TT HHC1
129	MeOH		Chemsol	Phuy/163 kg	1	CHE10011-CLC-TT HHC1

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
130	CLOROFORM-D 99.8%		ISOTOPE CAMBRIGDE	Chai	1	9,18,22 - CHT10010
131	ACETONE-D6 99.8%		ISOTOPE CAMBRIGDE	Chai	1	9,18,22 - CHT10010
132	DMSO-D6 99.8%		ISOTOPE CAMBRIGDE	Chai	1	9,18,22 - CHT10010
133	MeOD-D4 99.8%		ISOTOPE CAMBRIGDE	Chai	1	9,18,22 - CHT10010

PHỤ LỤC 2: MẪU BÁO GIÁ

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đã bao gồm thuế GTGT)	Thành tiền (Đã bao gồm thuế GTGT)	Thời gian giao hàng	Ghi chú
1.													
2.													

Điều khoản thương mại:

- Thời hạn hiệu lực của báo giá:
- Thời gian giao hàng:
- Điều khoản thanh toán:
- Điều khoản bảo hành